

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



Kỷ Yếu

HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA
VỀ CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ THỂ THAO TRƯỜNG HỌC
TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, HỌC VIỆN VÀ CAO ĐẲNG
TRONG XU THẾ HỘI NHẬP QUỐC TẾ





**NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN
NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT - ĐẠI HỌC
HUẾ**

218

ThS. Phạm Đức Thanh, ThS. Nguyễn Thành Việt, Hồ Đăng Quốc Hùng

**ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ PHƯƠNG PHÁP TỰ
ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG THỰC HÀNH MÔN
HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT CỦA SINH VIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG**

232

Th.S Võ Xuân Lộc, ThS Nguyễn Bảo Long, ThS Thang Văn Minh, ThS Nguyễn Quang Huy

**ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CÁC GIẢI PHÁP ĐẾN
SỰ PHÁT TRIỂN THỂ LỰC SINH VIÊN ĐẠI
HỌC HUẾ**

237

TS. Hoàng Hải & TS. Lê Quang Dũng & ThS Nguyễn Quang Tùng

**ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ GIẢI PHÁP NÂNG
CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY MÔN VÕ
THUẬT CÁN ĐO CHO SINH VIÊN
(HỆ ĐÀO TẠO) TẠI HỌC VIỆN ANND**

244

ThS. Ngô Hải Hà

**NGHIÊN CỨU LỰA CHỌN VÀ ỨNG DỤNG
MỘT SỐ BÀI TẬP PHÁT TRIỂN THỂ LỰC
CHO NAM SINH VIÊN NĂM HAI ĐANG HỌC
GIÁO DỤC THỂ CHẤT MÔN VÕ VOVINAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG FPT POLYTECHNIC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

255

TS. Lê Vũ Ngọc Toàn & ThS. Nguyễn Hồng Vui

**ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ BÀI TẬP PHÁT TRIỂN
SỨC MẠNH TRONG MÔN NHẢY XA KIỂU
NGỒI CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING**

263

TS. Phan Thanh Mỹ & ThS. Nguyễn Thị Lệ Hằng & Th.S Đàm Tuấn Anh

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CÁC GIẢI PHÁP ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN THỂ LỰC SINH VIÊN ĐẠI HỌC HUẾ

TS. Hoàng Hải, TS. Lê Quang Dũng, ThS Nguyễn Quang Tùng
hoanghai@hueuni.edu.vn
Khoa GDTC – Đại học Huế

TÓM TẮT: Sử dụng các phương pháp nghiên cứu thường quy trong TDDT đề tài lựa chọn 5 giải pháp sự phát triển thể lực của sinh viên Đại học Huế, và trên cơ sở đó tiến hành đánh giá hiệu quả các giải pháp đến sự phát triển thể lực của sinh viên Đại học Huế. Kết quả nghiên cứu làm cơ sở để Đại học Huế tiến hành tốt công GDTC cho các trường, Khoa thành viên từ đó nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ cán bộ tương lai phục vụ cho đất nước.

Từ khóa: Giải pháp; Thể lực, Sinh viên Đại học Huế.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Phát triển thể thao trường học có ý nghĩa chiến lược to lớn, một mặt nhằm thúc đẩy GDTC, nâng cao sức khỏe, đời sống văn hóa tinh thần của HS,SV để chủ động chuẩn bị nguồn nhân lực cho tương lai, mặt khác nhằm góp phần phát hiện, đào tạo năng khiếu và tài năng thể thao cho đất nước. Thực hiện tốt việc phát triển TDDT trường học là thực hiện tốt một nội dung quan trọng của chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Đại học Huế là một đại học vùng của cả nước, có nhiệm vụ đào tạo đa ngành đa lĩnh vực trọng điểm quốc gia của Việt Nam, là một trong những trung tâm đào tạo, nghiên cứu, đầu mối giao lưu văn hóa, khoa học, giáo dục lớn nhất miền Trung và cả nước. Trong những năm qua, công tác đào tạo luôn được chú trọng và nâng cao chất lượng đội ngũ nâng lực trong đó lĩnh vực GDTC có vai trò quan trọng góp phần vào sự thành công đó.

Qua thực tiễn giảng dạy cho đối tượng SV không chuyên ngành GDTC nhận thấy, mặc dù các em đã có sự cố gắng và nỗ lực trong học tập, tuy nhiên vì nhiều nguyên nhân khác nhau mà ảnh hưởng đến phát triển thể lực của SV như: Chưa đáp ứng đầy đủ cơ sở vật chất cho việc tập luyện, hình thức tập luyện dưới hình thức câu lạc bộ vẫn còn hạn chế, ý thức và thái độ đối với môn học chưa cao, việc sử dụng các bài tập bổ trợ nâng cao thể lực trong các buổi học còn ít,... Do đó việc lựa chọn các giải pháp và đánh giá hiệu quả các giải pháp phát triển thể lực của sinh viên Đại học Huế có vai trò rất quan trọng, xuất phát từ lý trên chúng tôi tiến hành nghiên cứu: “Đánh giá hiệu quả các giải pháp đến sự phát triển thể lực sinh viên Đại học Huế”.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình nghiên cứu, đề tài đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp quan sát; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp thực nghiệm sư phạm; và Phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Lựa chọn các giải pháp phát triển thể lực cho sinh viên Đại học Huế

Trên cơ sở thống kê, tham khảo các tài liệu tham khảo, căn cứ thực trạng yếu tố ảnh hưởng đến phát triển thể lực của sinh viên Đại học Huế, đề tài đã tổng hợp được 10 giải pháp phát triển thể lực. Đề lựa chọn các giải pháp phù hợp với sinh viên Đại học Huế, đề tài đã tiến hành phỏng vấn các chuyên gia, giảng viên, huấn luyện viên. Kết quả phỏng vấn được trình bày ở bảng 1

Bảng 1. Kết quả phỏng vấn các chuyên gia và các nhà chuyên môn về giải pháp nâng cao thể lực cho SV ĐHH (n=30)

TT	Giải pháp	Đồng ý		Không đồng ý		χ^2
		n	%	n	%	
1	Giáo dục nâng cao nhận thức về vị trí của GDTC và thể thao trường học đối với mục tiêu phát triển thể chất cho SV	26	86.67	4	13.33	16.13
2	Đổi mới phương pháp dạy học thể dục theo hướng tích cực hóa, phát triển tính chủ động, sáng tạo của SV trong giờ học thể dục.	17	56.7	13	43.3	0.53
3	Đa dạng hóa nội dung và hình thức hoạt động thể thao ngoại khóa theo hướng gắn chặt với dạy học nội khóa và bám sát mục tiêu GDTC.	15	50	15	50	0
4	Xây dựng kế hoạch và điều hành công tác tự bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên.	20	66.67	10	33.33	3.33
5	Đổi mới tổ chức dạy học thể dục theo phân loại sức khỏe, thể lực và năng khiếu của SV	18	60	12	40	1.2
6	Tăng cường hoạt động thi đấu - tổ chức thi đấu nhiều nội dung trên cơ sở tạo điều kiện cho mỗi SV tham gia	19	63.4	11	36.7	2.13
7	Cải tạo, mua sắm, trang bị bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, sân bãi dụng cụ phục vụ và điều kiện tập luyện.	14	93.33	1	6.66	11.27
8	Thành lập các CLB thể thao cho SV tập luyện nội và ngoại khóa	26	86.67	4	13.33	16.13
9	Tăng lượng vận động thông qua các bài tập thể chất nhằm phát triển thể lực cho SV.	24	80	6	20	10.8
10	Có kế hoạch tổ chức kiểm tra, đánh giá thể lực của SV theo quy định 53/2008/QĐ-BGDĐT	30	100	0	0	30

Kết quả phỏng vấn thu được như trình bày tại bảng 1 cho thấy:

Trong 10 giải pháp phỏng vấn có 5 giải pháp được các chuyên gia lựa chọn cao $\chi^2_{\text{tính}} > \chi^2_{\text{bảng}}$ (ở ngưỡng $p < 0.05$) bao gồm:

Giải pháp 1. Cải tạo, mua sắm, trang bị bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, sân bãi dụng cụ phục vụ và điều kiện tập luyện.

Giải pháp 2. Thành lập các CLB thể thao cho SV tập luyện nội và ngoại khóa.

Giải pháp 3. Giáo dục nâng cao nhận thức về vị trí của GDTC và thể thao trường học đối với mục tiêu phát triển thể chất cho SV.

Giải pháp 4. Tăng lượng vận động thông qua các bài tập thể chất nhằm phát triển thể lực cho SV.

Giải pháp 5. Có kế hoạch tổ chức kiểm tra, đánh giá thể lực của SV theo quy định 53/2008/QĐ-BGDĐT.

2. Đánh giá hiệu quả các giải pháp đến sự phát triển thể lực cho sinh viên Đại học Huế.

2.1. Tổ chức thực nghiệm sư phạm.

Việc nghiên cứu ứng dụng các giải pháp phát triển thể chất cho đối tượng nghiên cứu được tiến hành trong thời gian 03 tháng (tương ứng với 01 học kỳ) tại Khoa GDTC-ĐHH. Về chương trình học tập môn học GDTC chính khóa của SV các trường thành viên đại học Huế: Đại học Nông Lâm, Sư Phạm, Luật, Y Dược, Ngoại Ngữ, Khoa Học, Kinh Tế và Khoa Du Lịch, được tiến hành trong suốt 15 tuần, tương ứng là 15 giáo án theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, mỗi học kỳ đều có các nội dung học tập - tập luyện khác nhau. Do đó đối tượng thực nghiệm sư phạm được đề tài lựa chọn thí điểm là 1398 SV ĐHH (503 nam, 895 nữ) thuộc SV năm 1 và 2 đang học tập tại Khoa để đảm bảo khách quan trong quá trình so sánh. Các đối tượng này được đề tài lựa chọn ngẫu nhiên.

Khi xác định hiệu quả tác động của các giải pháp đã lựa chọn đến sự phát triển thể lực của SV ĐHH đề tài căn cứ vào 4 test đánh giá thể lực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo như đã xác định ở mục 3.2.1 bao gồm:

- Nằm ngửa gập bụng (lần/300)
- Bật xa tại chỗ (cm)
- Chạy con thoi 4x10m (s)
- Chạy tùy sức 5 phút. (m)

Trước khi tiến hành thực nghiệm sư phạm, đề tài tiến hành kiểm tra, đánh giá xếp loại trình độ thể lực chung theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, từ đó làm căn cứ để so sánh kết quả kiểm tra đánh giá sau thực nghiệm.

Các đối tượng thực nghiệm này đều được áp dụng các giải pháp nâng cao thể lực mà quá trình nghiên cứu của đề tài đã lựa chọn và xây dựng. Do điều kiện về thời gian và phạm vi nghiên cứu, nên trong quá trình thực nghiệm, đề tài chỉ tiến hành trong 1 học kỳ. Đồng thời, đề tài sử dụng phương pháp thực nghiệm so sánh trình tự đơn (tự đối chiếu trên nhóm thực nghiệm).

2.2. Đánh giá hiệu quả các giải pháp đến sự phát triển thể lực cho sinh viên Đại học Huế.

Để đánh giá hiệu quả các giải pháp đến sự phát triển thể lực cho sinh viên Đại học Huế, đề tài tiến hành đánh giá sự phát triển thể lực trước và sau thực nghiệm, phân loại trình độ thể lực theo từng tiêu chuẩn, thể lực chung với tiêu chuẩn đánh giá thể lực của Bộ GD&ĐT. Kết quả được trình bày ở bảng 2,3,4, 5 và 6 sau:

Bảng 2. Kết quả so sánh trình độ phát triển thể lực của Nữ sinh viên Đại học Huế trước và sau thực nghiệm

Khóa tuyển sinh	TT	Test	TTN		STN		t _{tính}	W%	p
			\bar{x}	$\pm\delta$	\bar{x}	$\pm\delta$			
2016 (n=412)	1	Nằm ngửa gập bụng 30s (sl)	14.91	2.80	16.78	1.38	12.43	11.83	< 0.05
	2	Bật xa tại chỗ (cm)	145.66	24.09	156.51	14.68	10.78	7.18	< 0.05
	3	Chạy con thoi 4x10m (s)	13.44	1.67	12.81	1.06	- 8.69	- 4.81	< 0.05
	4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	814.09	103.77	867.52	59.47	12.18	6.35	< 0.05
2017 (n=483)	1	Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	14.78	2.59	16.06	1.39	11.80	8.28	< 0.05
	2	Bật xa tại chỗ (cm)	149.61	21.12	157.37	13.71	7.95	5.06	< 0.05
	3	Chạy con thoi 4x10m (s)	13.31	1.39	12.82	0.97	- 7.94	- 3.71	< 0.05
	4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	815.23	88.14	868.40	58.23	14.09	6.32	< 0.05

Bảng 3. Kết quả so sánh trình độ phát triển thể lực của Nam sinh viên Đại học Huế trước và sau thực nghiệm

Khóa tuyển sinh	T T	Test	TTN		STN		t _{tính}	W%	p
			\bar{x}	$\pm\delta$	\bar{x}	$\pm\delta$			
2016 (n=235)	1	Nằm ngửa gập bụng 30s (sl)	16.11	6.93	17.71	1.74	6.97	9.44	< 0.05
	2	Bật xa tại chỗ (cm)	203.60	49.86	212.67	15.77	5.30	4.88	< 0.05
	3	Chạy con thoi 4x10m (s)	12.90	2.72	12.21	0.51	- 7.59	- 5.64	< 0.05
	4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	915.69	274.00	971.44	42.67	6.14	5.91	< 0.05
2017 (n=268)	1	Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	15.57	3.28	17.11	1.67	8.77	9.38	< 0.05
	2	Bật xa tại chỗ (cm)	200.43	25.08	208.81	16.65	6.49	4.10	< 0.05
	3	Chạy con thoi 4x10m (s)	12.84	1.27	12.34	0.62	- 5.84	- 3.97	< 0.05
	4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	897.35	144.36	959.40	88.09	7.74	6.68	< 0.05

Từ kết quả từ bảng 2 và bảng 3 cho thấy: Qua 5 test đánh giá thể lực của Bộ GD&ĐT, trình độ phát triển thể lực của sinh viên Đại học Huế đều có $t_{\text{tính}} > t_{\text{bảng}}$ và đều có nhịp tăng trưởng W ở ngưỡng xác suất $p < 0.05$. Như vậy, sau quá trình thực nghiệm, đề tài khẳng định rằng trình độ thể lực của sinh viên các trường thành viên Đại học Huế đã có sự phát triển rõ rệt.

Bảng 4. Kết quả so sánh phân loại thể lực chung theo từng chỉ tiêu của Nữ sinh viên Đại học Huế trước và sau thực nghiệm với tiêu chuẩn RTTT của Bộ GD&ĐT

Khóa tuyển sinh	T T	Test	TTN		STN		Mức độ tăng trưởng	
			Mức đạt	%	Mức đạt	%	n	%
2016(n=412)	1	Nằm ngửa gập bụng 30s (sl)	269	65.29	352	85.44	83	20.15
	2	Bật xa tại chỗ (cm)	263	63.83	331	80.34	68	16.51
	3	Chạy con thoi 4x10m (s)	257	62.38	329	79.85	72	17.47
	4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	192	46.6	284	68.93	92	22.33
2017 (n=483)	1	Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	339	70.19	407	84.27	68	14.08
	2	Bật xa tại chỗ (cm)	341	70.6	415	85.92	74	15.32
	3	Chạy con thoi 4x10m (s)	293	61.08	381	78.88	88	17.80
	4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	260	53.83	372	77.02	112	23.19

Bảng 5. Kết quả so sánh phân loại thể lực chung theo từng chỉ tiêu của Nam sinh viên Đại học Huế trước và sau thực nghiệm với tiêu chuẩn RTTT của Bộ GD&ĐT

Khóa tuyển sinh	T T	Test	TTN		STN		Mức độ tăng trưởng	
			Mức đạt	%	Mức đạt	%	n	%
2016(n=235)	1	Nằm ngửa gập bụng 30s (sl)	155	65.96	183	77.87	28	11.91
	2	Bật xa tại chỗ (cm)	154	65.53	188	80.00	34	14.47
	3	Chạy con thoi 4x10m (s)	140	59.57	173	73.62	33	14.05
	4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	126	53.62	168	71.49	42	17.87
2017 (n=268)	1	Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	186	69.40	233	86.94	47	17.54

2	Bật xa tại chỗ (cm)	173	64.55	226	84.33	53	19.78
3	Chạy con thoi 4x10m (s)	168	62.69	190	70.90	22	8.21
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	160	59.70	196	73.13	36	13.43

Cũng qua bảng 4 và bảng 5 phân loại thể lực SV Đại học Huế theo trung bình từng chỉ tiêu cho thấy: Các chỉ tiêu đều có mức Đạt tăng trưởng, cụ thể mức Đạt tăng trưởng từ 8.21% đến 23.19%. Trong đó, mức Đạt tăng trưởng cao nhất là chỉ tiêu Chạy tùy sức 5 phút của nữ SV khóa tuyển sinh 2017 và 2016 (23.19% và 22.33%); Nằm ngửa gập bụng của nữ SV khóa tuyển sinh 2016 (20.15%); Bật xa của nam SV khóa tuyển sinh 2017 (19.78%) và mức đạt tăng trưởng thấp là nam SV khóa tuyển sinh 2017 với 2 chỉ tiêu Chạy con thoi 4x10m (8.21%) và Chạy tùy sức 5 phút (13.43%), 01 chỉ tiêu nam SV khóa tuyển sinh 2016 là Nằm ngửa gập bụng (11.91%).

Như vậy, từ kết quả đánh giá sự phát triển thể lực SV qua các chỉ tiêu của các trường thành viên Đại học Huế, của Đại học Huế cho thấy đều có sự tăng trưởng mức Đạt ở các chỉ tiêu, mức tăng trưởng thể lực của các trường không đồng nhất, mức tăng trưởng tùy thuộc từng chỉ tiêu và giới tính và khóa tuyển sinh khác nhau.

Như vậy, sau quá trình thực nghiệm, đề tài khẳng định rằng trình độ thể lực chung của sinh viên các trường thành viên Đại học Huế đã có sự phát triển rõ rệt, sự phát triển thành tích kiểm tra đảm bảo ở ngưỡng xác suất thống kê cần thiết $P < 0.05$.

Đánh giá thông qua phân loại thể lực chung của SV ĐHH được phản ánh qua các bảng 6 sau:

Bảng 6. Kết quả so sánh phân loại thể lực chung của sinh viên Đại học Huế trước và sau thực nghiệm với tiêu chuẩn RTTT của Bộ GD&ĐT

Khóa tuyển sinh	Giới tính	TTN		STN		Mức độ tăng trưởng	
		Mức đạt	%	Mức đạt	%	n	%
2016	Nữ (n = 412)	89	21.60	239	58.01	150	36.41
	Nam (n = 235)	42	17.87	112	47.66	70	29.79
2017	Nữ (n = 483)	97	20.88	264	54.66	167	33.78
	Nam (n = 268)	58	21.64	117	43.66	59	22.02

Và cũng từ kết quả bảng so sánh thể lực chung của sinh viên Đại học Huế cho thấy mức độ tăng trưởng về mức Đạt của nhóm thực nghiệm từ 22.02% đến 36.41%, trong đó với nữ sinh viên mức độ tăng trưởng về mức độ chiếm tỷ lệ cao hơn so với nam sinh viên. Mức đạt thể lực chung từ 43.66% đến 58.01% là có sự tiến bộ rõ nét về thể chung của sinh viên Đại học Huế.

Như vậy, sau quá trình thực nghiệm (15 tuần), đề tài khẳng định rằng trình độ thể lực của từng tiêu chí và chung của sinh viên các trường thành viên Đại học Huế đã có sự phát triển rõ rệt, sự phát triển thành tích kiểm tra đảm bảo ở ngưỡng xác suất thống kê cần thiết $P < 0.05$.

KẾT LUẬN

Đề tài đã lựa chọn được 5 giải pháp nhằm nâng cao thể lực cho SV ĐH Huế. Qua quá trình ứng dụng 5 giải pháp trên vào trường, Khoa thuộc Đại học Huế đã có kết quả tích cực là thể lực theo từng tiêu chí của sinh viên đã tăng lên một cách đáng kể ($P < 0.05$), mức độ phát triển thể W tăng trưởng và thể lực chung của sinh viên cũng đã có sự cải tiến rõ rệt ($P < 0.05$).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD&ĐT(2008), Quy định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008, về đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên.
2. Lê Quang Dũng (2019), Một số giải pháp phát triển thể lực cho sinh viên Đại học Huế, Đề tài cấp bộ 2017
3. Thủ tướng Chính phủ (2015), Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 31/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ, “Về việc Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động Thể thao trong nhà trường”.
4. Đỗ Văn Tùng (2015). Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả công tác GDTC cho sinh viên trường Đại học Nông Lâm – Đại học Huế., Luận văn Thạc sỹ Giáo dục học, Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh.
5. Nguyễn Đức Văn(2000), Phương pháp thống kê trong TĐTT, Nxb TĐTT, Hà Nội